

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị quốc gia giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm

2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BXD ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV;

Theo đề nghị của UBND thị xã Việt Yên tại Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 18/3/2024; của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 100/BC-SXD ngày 14/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

1.1. Quan điểm:

- Xây dựng và phát triển thị xã Việt Yên theo hướng xanh, thông minh, bản sắc và bền vững; trở thành đô thị công nghiệp và dịch vụ, có hệ thống hạ tầng khung đồng bộ theo định hướng tại Nghị quyết số 162-NQ/TU ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Chương trình phát triển đô thị thị xã Việt Yên đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị và chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh; đồng bộ với các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan đến phát triển đô thị; các chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực thực tế của địa phương.

1.2. Mục tiêu:

- Xây dựng, phát triển thị xã Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại III theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, hướng tới thành lập thành phố Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn đến năm 2030.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm phù hợp với định hướng Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thị xã.

- Lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị, dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí, nguồn vốn và giai đoạn thực hiện làm cơ sở bố trí và huy động nguồn

vốn từ các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị thị xã Việt Yên.

2. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

- Phạm vi ranh giới lập Chương trình căn cứ theo phạm vi ranh giới lập quy hoạch chung đô thị được phê duyệt, gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị xã Việt Yên bao gồm 17 đơn vị hành chính cấp xã (09 phường và 08 xã).

+ Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên.

+ Phía Nam: Giáp thành phố Bắc Ninh và thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

+ Phía Đông: Giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang.

+ Phía Tây: Giáp huyện Hiệp Hòa và huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

3. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo từng giai đoạn

Bảng 1: Chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo giai đoạn 05 năm và 10 năm

STT	NHÓM TIÊU CHUẨN	Năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
A	Chỉ tiêu phát triển đô thị chính theo quy định của Thông tư 06/2023/TT-BXD				
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	1.978	2.050	2.500	2.919
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn(người/km ²)	6.332	7.332	9.332	10.784
3	Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	28,07	29,07	30,07	31,07
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị (m ² /người)	42,51	43,51	44,51	45,51
5	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	30,11	30,61	31,11	31,61
6	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	15,86	16,06	16,26	16,46
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	34	39	44	49
B	Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu và các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị				
I	Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối đa yêu cầu so với đô thị loại IV				
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị(người/km ²)	6.332	7.332	9.332	10.784
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	90	95	100	100
3	Nhà tang lễ (Cơ sở)	2	2	2	2
4	Nhà ở dân cư khu vực ngoại thị (%)	100	100	100	100

STT	NHÓM TIÊU CHUẨN	Năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
II	Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối đa yêu cầu so với đô thị loại III				
1	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	8	8	9	10
2	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (công trình)	7	8	8	8
3	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	1.978	2.050	2.500	2.919
4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	15,86	16,06	16,26	16,46
5	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²)	7,95	8,95	9,95	10,95
6	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng (%)	100	100	100	100
7	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người (m ² /người)	6,20	6,70	7,20	7,70
8	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người (kwh/người/năm)	1.670	1.720	1.770	1.820
9	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngđ)	157	162	167	172
10	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	90	95	100	100
11	Nhà tang lễ (Cơ sở)	2	2	2	2
12	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (Khu)	3	4	5	6
13	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân (giường/10.000 dân)	47,32	49,32	51,32	53,32
14	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	10,63	11,23	11,83	12,43
15	Nhà ở dân cư khu vực ngoại thị (%)	100	100	100	100
16	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	1,87	1,97	2,07	2,17
C	Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III				
1	Công trình xanh (công trình)	1	2	2	2
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	34	39	44	49
3	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị (người/km ²)	6.332	7.332	9.332	10.784

STT	NHÓM TIÊU CHUẨN	Năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
D	Số lượng phường dự kiến thành lập mới	3	0	0	0

4. Danh mục các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

4.1. Khu vực 1: Khu đô thị trung tâm hỗn hợp hiện hữu và cải tạo mở rộng

- Diện tích khoảng 2.389 ha; là trung tâm thị xã Việt Yên hiện hữu, bao gồm phường Bích Động và một phần diện tích các phường Hồng Thái, Quảng Minh, Ninh Sơn và Nénh.

- Định hướng phát triển: Là khu vực trung tâm đô thị hiện hữu kết hợp phát triển mới, có các trung tâm hành chính, dịch vụ thương mại, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, y tế của thị xã Việt Yên. Phát triển theo hướng dung nạp khu vực dân cư hiện trạng, tập trung nâng cấp thành trung tâm hỗn hợp toàn đô thị, bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật để nâng cao chất lượng sống của cư dân và hoàn thiện các khu đô thị mới gắn với cảnh quan sinh thái dọc theo vành đai sông Cỏ. Tăng cường các chức năng cũng như không gian công cộng nhằm tạo ra nhiều không gian vui chơi giải trí kết nối cộng đồng và tăng sức hấp dẫn cho khu trung tâm đô thị.

4.2. Khu vực 2: Khu đô thị phát triển công nghiệp và logistics phía Đông Nam.

- Diện tích khoảng 4.397 ha; bao gồm 08 phường: Vân Trung, Quang Châu, Tăng Tiến và ranh giới phần lớn các phường Nénh, Ninh Sơn, Quảng Minh và Hồng Thái.

- Định hướng phát triển: Là khu vực phát triển các khu, cụm công nghiệp, đô thị mới, hỗn hợp thương mại dịch vụ, logistics..., hình thành trung tâm tiếp vận, trung chuyển hàng hóa, liên kết thuận lợi thị xã Việt Yên với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng. Hệ thống các khu dân cư, đô thị mới phục vụ cho không gian phát triển công nghiệp được quy hoạch chủ yếu ở khu vực phía Tây, phía Bắc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, dọc theo trục đường ĐT.295B và các trục đường liên khu vực quy hoạch mới. Định hướng phát triển bổ sung tiện ích hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực dân cư hiện trạng trên cơ sở gắn kết với các khu dân cư, đô thị mới.

4.3. Khu vực 3: Khu đô thị dịch vụ công nghiệp, thương mại phía Tây Bắc.

- Diện tích khoảng 2.096 ha; bao gồm phường Tự Lạn và xã Việt Tiến.

- Định hướng phát triển: Là khu vực đô thị dịch vụ phục vụ cho hệ thống công nghiệp phát triển mới ở phía Bắc. Định hướng quy hoạch khu công nghiệp tập trung thuộc phường Tự Lạn và cụm công nghiệp Việt Tiến theo hướng công nghiệp sạch. Các khu đô thị, dịch vụ chủ yếu được quy hoạch dọc theo hành lang quốc lộ 37 kéo dài từ phường Bích Động đến hết ranh giới đô thị trên địa bàn xã Việt Tiến.

4.4. Khu vực 4: Khu đô thị du lịch văn hóa lịch sử ven sông Cầu

- Diện tích khoảng 1.829 ha; bao gồm 02 xã: Tiên Sơn và Vân Hà.

- Định hướng phát triển: Chú trọng phát triển hệ thống giao thông đảm bảo cho các khu chức năng được kết nối với hệ thống hạ tầng khung của thị xã Việt Yên; kết nối di tích quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà với quần thể di tích văn hóa, lịch sử của tỉnh Bắc Ninh. Hình thành các tuyến tham quan để phát triển đa dạng các loại hình du lịch, văn hóa (đặc biệt là loại hình nghệ thuật hát Quan họ), các lễ hội truyền thống độc đáo. Từng bước cải tạo, chỉnh trang, kết hợp giữ gìn các giá trị truyền thống đối với các điểm dân cư làng xóm được định hướng thành đô thị. Bảo tồn, phát huy giá trị di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà, làng cổ Thổ Hà, hình thành tuyến, điểm du lịch gắn với các yếu tố đặc trưng về văn hóa (Nhà hát Quan họ Bắc Ninh - Làng cổ Thổ Hà - Chùa Bồ Đà - 5 làng quan họ cổ). Quy hoạch chỉnh trang, bảo tồn làng nghề truyền thống. Phát triển hệ thống hạ tầng đô thị gắn với việc phục vụ các hoạt động du lịch cộng đồng.

4.5. Khu vực 5 - 6: Khu vực dân cư nông thôn

- Tổng diện tích khoảng 6.489 ha; Trong đó, khu vực 5 bao gồm 02 xã: Trung Sơn, Hương Mai; khu vực 6 bao gồm 03 xã: Thượng Lan, Minh Đức và Nghĩa Trung.

- Định hướng phát triển: Phát triển các chức năng ngoài khu dân dụng, tạo động lực phát triển cho đô thị như trung tâm công nghiệp mới ở phía Bắc (gồm các xã Thượng Lan, Minh Đức, Nghĩa Trung), trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch mới phía Đông chủ yếu tập trung ở xã Nghĩa Trung; khu du lịch thể thao tại các xã Trung Sơn, Hương Mai.

5. Các dự án đầu tư phát triển đô thị

5.1. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để hoàn thiện, nâng cao tiêu chuẩn phân loại đô thị:

- Các dự án khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu công nghiệp để nâng cao tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị, mật độ dân số khu vực nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị, diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị, nhà ở dân cư khu vực ngoại thị;

- Các dự án xây dựng công viên, vườn hoa để nâng cao tiêu chuẩn đất cây xanh toàn đô thị;

- Các dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông đô thị, công trình giao thông cấp đô thị theo quy hoạch chung đô thị để nâng cao tiêu chuẩn về tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị, tỷ lệ vận tải hành khách công cộng;

- Các dự án xây dựng công trình nhằm nâng cao chất lượng tiêu chuẩn giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao cấp đô thị, công trình đầu mối giao thông, cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người, mức tiêu thụ nước sạch, cơ sở y tế cấp đô thị, công trình xanh, tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật;

- Dự án khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh;

- Các dự án để hoàn thiện, nâng cao tiêu chuẩn chưa đạt hoặc đạt nhưng ở mức thấp về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với các phường thành lập mới, các khu vực dự kiến thành lập phường trong tương lai.

5.2. Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác thuộc phạm vi đô thị được xác định trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị.

5.3. Tổng hợp sơ bộ nhu cầu kinh phí thực hiện:

a) Tổng hợp theo danh mục dự án:

Bảng 2: Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện theo danh mục dự án

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)
	Tổng	145.451
I	Dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị	850
II	Khung hạ tầng kỹ thuật	15.287
1	Giao thông	7.804
2	Chuẩn bị kỹ thuật	5.000
3	Cấp nước	298
4	Thoát nước thải và vệ sinh môi trường	1.080
5	Cấp điện	5.280
6	Thông tin liên lạc	110
7	Nghĩa trang, nhà tang lễ	215
III	Khung hạ tầng xã hội	21.869,2
1	Thương mại - dịch vụ - du lịch	12.320
2	Giáo dục đào tạo	1.365,1
3	Y tế	6.156
4	Văn hóa - Thể dục thể thao	1.074,4
5	Cơ quan công sở	451
6	Công viên, quảng trường	502,7
IV	Các dự án khu đô thị, khu công nghiệp	106.412,79
1	Khu công nghiệp - Cụm công nghiệp	20.120,21
2	Khu đô thị, khu dân cư, nhà ở	86.292,58

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu
V	Các dự án phát triển đô thị bền vững, đô thị xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu	819,70
1	Đô thị xanh	94
2	Đô thị thông minh	106,61
3	Thích ứng với biến đổi khí hậu	619,09
VI	Các dự án đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị	212,10
1	Quy hoạch	32,5
2	Quy chế quản lý kiến trúc	1,00
3	Đề án	21,6
4	Kiến trúc cảnh quan đô thị	157

b) Tổng hợp theo nguồn vốn, giai đoạn thực hiện:

Bảng 3: Tổng hợp kinh phí thực hiện theo nguồn vốn và giai đoạn thực hiện

STT	Nguồn vốn thực hiện	Giai đoạn đầu tư			
		Đến năm 2025	2026-2030	2031-2035	2036-2045
1	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)	300	2.060	2.050	400
2	Ngân sách thị xã (tỷ đồng)	2.046	4.460	4.073	2.655
3	Vốn khác (tỷ đồng)	26.571	59.778	29.215	11.842
	Tổng	28.917	66.298	35.338	14.897

6. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước phát triển bền vững đô thị

- Đô thị xanh:

+ Xây dựng bổ sung các điểm quan trắc môi trường;

+ Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

- Đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ y tế thông minh;

+ Chuyển đổi số trên địa bàn Việt Yên giai đoạn 2022 - 2025; hạng mục: Tư vấn xây dựng đề án Kiến trúc tham chiếu ICT đô thị thông minh thị xã Việt Yên phiên bản 1.0;

+ Lắp đặt, vận hành hệ thống camera an ninh trên địa bàn thị xã;

+ Trang bị màn hình LED thông minh tại Quảng trường UBND thị xã để tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương;

+ Xây dựng đô thị Việt Yên thành đô thị thông minh;

- Thích ứng với biến đổi khí hậu:
 - + Nâng cấp, mở rộng đê Tiểu bồi nổi Đê tả Cầu với xã Vân Hà;
 - + Cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai trên địa bàn thị xã;
 - + Đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn;
 - + Dự án ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. UBND thị xã Việt Yên:

Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc (nếu có); tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

7.2. Các Sở, ban, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các chỉ tiêu phát triển đô thị liên quan, chủ động hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc UBND thị xã Việt Yên trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 2.

- UBND thị xã Việt Yên chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ và tổ chức thực hiện các công việc liên quan theo đúng quy định của nhà nước.
- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về việc thẩm định hồ sơ theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Việt Yên; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TKCT, GT, TN;
 - + Lưu: VT, KTN. Tuấn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích